

Số: 22/2024/KDTM-ST
Ngày: 23/4/2024
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Yến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Khanh.
2. Bà Bùi Diệu Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Trúc - Cán bộ Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Quang Lộc - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 128/2023/TLST-KDTM ngày 16/10/2023 về tranh chấp “Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2024/QĐXXST-KDTM ngày 29/02/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 54/2024/QĐST-KDTM ngày 28/3/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP X; địa chỉ trụ sở: số 89 Y, phường Z, quận Đ, Thành phố Hà Nội; địa chỉ liên hệ: tầng X, tòa nhà N, số 96 T, Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo ủy quyền: Ông H (theo văn bản ủy quyền số 4805/2023/UQ-PGD ngày 15/7/2023 (Có mặt).

Bị đơn: Công ty TNHH Một thành viên X; địa chỉ trụ sở: số 730/10C Hương Lộ X, khu phố 4, phường N, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Bà D, sinh năm 1972 – Giám đốc; địa chỉ cư trú: 19E, LG, Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt không rõ lý do).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà D, sinh năm 1972; địa chỉ cư trú: 19E LG, Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt không rõ lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện gửi ngày 15 tháng 7 năm 2023, các bản tự khai, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần X có đại diện theo ủy quyền ông H trình bày:

Ngày 15/6/2021, Ngân hàng TMCP X (sau đây gọi là nguyên đơn) có ký kết Hợp đồng cho vay hạn mức với Công ty TNHH Một thành viên X (sau đây gọi là bị đơn) theo Hợp đồng cho vay số EGV/21340. Thực hiện hợp đồng, nguyên đơn đã giải ngân cho bị đơn theo khế ước nhận nợ số 080422-4025044-ONL-3 ngày 13/4/2022, số tiền vay là 900.000.000đ (chín trăm triệu đồng); mục đích: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động gia công may mặc; thời hạn vay: 06 tháng, từ ngày 13/4/2022 đến ngày 13/10/2022; lãi suất tại thời điểm giải ngân là 18,4%/năm. Lãi suất vay được cố định trong vòng 01 tháng, sau đó sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần.

Ngày 01/4/2022, nguyên đơn tiếp tục ký kết với bị đơn Hợp đồng cho vay kiêm Hợp đồng thế chấp ô tô số 010422-4025044-AUTO-1/HĐ ngày 01/4/2022, thực hiện hợp đồng nguyên đơn giải ngân cho bị đơn theo khế ước nhận nợ số 010422-4025044-AUTO-1 ngày 01/04/2022, số tiền vay là 730.150.000đ (bảy trăm ba mươi triệu một trăm năm mươi nghìn đồng); mục đích: vay mua ô tô; thời hạn vay: 70 tháng; lãi suất tại thời điểm giải ngân là 7,5%/năm, lãi suất cố định trong vòng 12 tháng, sau đó sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần.

Để bảo đảm cho các khoản vay trên, bị đơn đã ký với nguyên đơn Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp ô tô số 010422-4025044-AUTO-1/HĐ ngày 01/04/2022, bị đơn đã tự nguyện thế chấp cho nguyên đơn tài sản là: 01 (một) xe ô tô, nhãn hiệu TOYOTA, số loại INNOVA VENTURER, biển số 51K-218.86 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 50116776 cấp ngày 31/03/2022 của Phòng Cảnh sát giao thông - Công an Thành phố Hồ Chí Minh. Việc thế chấp và nhận thế chấp nêu trên được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật theo Hợp đồng cho vay kiêm Hợp đồng thế chấp ô tô số 010422-4025044-AUTO-1/HĐ ngày 01/4/2022, đăng ký giao dịch bảo đảm bằng điện tử ngày 01/4/2022. Đồng thời, kèm bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang bằng toàn bộ tài sản của cá nhân bà D theo Hợp đồng bảo lãnh số EGV/21341 ngày 15/6/2021.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ. Nguyên đơn đã nhiều lần liên hệ nhưng bị đơn vẫn không thực hiện nên toàn bộ khoản nợ đã chuyển sang nợ quá hạn, tạm tính đến ngày 23/4/2024, bị đơn còn nợ nguyên đơn tổng dư nợ của cả 02 (hai) khế ước nêu trên là 1.891.137.805đ (một tỷ tám trăm chín mươi một triệu một trăm ba mươi bảy nghìn tám trăm lẻ năm đồng), cụ thể với từng khế ước nhận nợ như sau:

Theo khế ước nhận nợ số 080422-4025044-ONL-3 ngày 13/4/2022, bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn số tiền là 250.765.849đ, (trong đó nợ gốc đã trả: 195.149.187đ; lãi đã trả: 55.616.662đ), còn nợ gồm: nợ gốc: 704.850.813đ; nợ lãi trong hạn: 27.927.159đ; nợ lãi quá hạn: 351.406.168đ và phạt chậm trả lãi: 4.277.064đ. Tổng cộng là 1.088.461.204đ (một tỷ không trăm tám mươi tám triệu bốn trăm sáu mươi một nghìn hai trăm lẻ bốn đồng).

Theo khế ước nhận nợ số 010422-4025044-AUTO – 1 ngày 01/4/2022, bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn số tiền là 128.441.642đ, (trong đó gốc đã trả: 93.876.426đ; lãi đã trả: 34.565.216đ), còn nợ gồm: nợ gốc: 636.273.574đ; nợ lãi trong hạn: 10.581.020đ; nợ lãi quá hạn: 154.739.990đ và tiền phạt chậm trả lãi: 1.082.017đ. Tổng cộng là 802.676.601đ (tám trăm lẻ hai triệu sáu trăm bảy mươi sáu nghìn sáu trăm lẻ một đồng).

Ngoài ra, kể từ ngày 24/4/2024, bị đơn vẫn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn theo các hợp đồng tín dụng đã ký nêu trên cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho nguyên đơn.

Trường hợp, bị đơn không thanh toán theo yêu cầu của các khoản nêu trên, nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi khoản nợ cho nguyên đơn, chi tiết tài sản thế chấp như sau: 01 xe ô tô, nhãn hiệu TOYOTA, số loại INNOVA VENTURER, biển số 51K-218.86 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 50116776 cấp ngày 31/03/2022 của Phòng Cảnh sát giao thông - Công an Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp, bị đơn không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ bà D phải tiếp tục thanh toán cho nguyên đơn theo hợp đồng bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang bằng toàn bộ tài sản của cá nhân bà D theo Hợp đồng bảo lãnh số EGV/21341 ngày 15/6/2021.

Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng gồm: Thông báo thụ lý vụ án; Giấy triệu tập đương sự; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không rõ lý do tại các buổi làm việc, hòa giải nên đương sự không có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: đã được Tòa án tổng đạt triệu tập họp lệ lần thứ hai, yêu cầu đương sự có mặt để Tòa án tiến hành xét xử giải quyết vụ án nhưng các đương sự vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân phát biểu: Tòa án nhân dân quận Bình Tân thụ lý vụ án đúng thẩm quyền. Thẩm phán thụ lý giải quyết hồ sơ vụ án đã thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Thời hạn chuẩn bị xét xử chưa đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án đúng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ mà Tòa án thu thập được thì thấy rằng các bên có xác lập giao dịch tín dụng theo đúng quy định. Phía bị đơn đã nhận giải ngân theo đúng tiến độ, đã mua được xe và bổ sung vốn kinh doanh phù hợp với mục đích vay cũng như việc bị đơn đã thực hiện một phần

nghĩa vụ. Xét việc bị đơn chỉ thực hiện một phần nghĩa vụ với nguyên đơn là chưa thực hiện đúng các thỏa thuận giữa các bên, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về pháp luật tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần X khởi kiện Công ty TNHH Một thành viên X về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng. Đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ Luật tố tụng dân sự. Bị đơn là Công ty TNHH Một thành viên X có địa chỉ trụ sở tại số 730/10C Hương Lộ X, khu phố 4, phường N, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Về thủ tục xét xử vắng mặt: Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ lần thứ hai, yêu cầu đương sự có mặt tại Tòa để tiến hành xét xử giải quyết vụ án nhưng đương sự vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp.

[1.2]. Về tư cách tham gia tố tụng: Xét văn bản ủy quyền số 4805/2023/UQ-PGD ngày 15/7/2023 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần X) là hợp lệ nên ông H có đủ tư cách là đại diện của nguyên đơn tham gia tố tụng trong vụ án.

[2]. Về pháp luật nội dung:

[2.1]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thanh toán một lần tổng số tiền nợ, tạm tính đến ngày 23/4/2024 theo từng Hợp đồng và khế ước nhận nợ như sau:

Theo Hợp đồng số EGV/21340 ngày 15/6/2021 có khế ước nhận nợ số 080422-4025044-ONL-3 ngày 13/4/2022, bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn là 1.088.461.204đ (một tỷ không trăm tám mươi tám triệu bốn trăm sáu mươi một nghìn hai trăm lẻ bốn đồng), trong đó: nợ gốc: 704.850.813đ; nợ lãi trong hạn: 27.927.159đ; nợ lãi quá hạn: 351.406.168đ và phạt chậm trả lãi: 4.277.064đ.

Theo Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp ô tô số 010422-4025044-AUTO-1/HĐ có khế ước nhận nợ số 010422-4025044-AUTO – 1 lập cùng ngày 01/4/2022, bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn là 802.676.601đ (tám trăm lẻ hai triệu sáu trăm bảy mươi sáu nghìn sáu trăm lẻ một đồng), trong đó: nợ gốc:

636.273.574đ; nợ lãi trong hạn: 10.581.020đ; nợ lãi quá hạn: 154.739.990đ và tiền phạt chậm trả lãi: 1.082.017đ. Hội đồng xét xử thấy rằng:

Ngày 15/6/2021, nguyên đơn có ký kết Hợp đồng cho vay hạn mức với bị đơn theo Hợp đồng cho vay số EGV/21340. Thực hiện hợp đồng, nguyên đơn đã giải ngân cho bị đơn theo khế ước nhận nợ số 080422-4025044-ONL-3 ngày 13/4/2022, số tiền vay là 900.000.000đ (chín trăm triệu đồng); mục đích: bổ sung vốn kinh doanh; thời hạn vay: 06 tháng, từ ngày 13/4/2022 đến ngày 13/10/2022; lãi suất tại thời điểm giải ngân là 18,4%/năm, lãi suất vay được cố định trong vòng 01 tháng, sau đó sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần.

Ngày 01/4/2022, nguyên đơn tiếp tục ký kết với bị đơn Hợp đồng cho vay kiêm Hợp đồng thế chấp ô tô số 010422-4025044-AUTO-1/HĐ, thực hiện hợp đồng nguyên đơn đã giải ngân cho bị đơn theo khế ước nhận nợ số 010422-4025044-AUTO-1 ngày 01/04/2022, số tiền vay là 730.150.000đ (bảy trăm ba mươi triệu một trăm năm mươi nghìn đồng); mục đích: vay mua ô tô; thời hạn vay: 70 tháng; lãi suất tại thời điểm giải ngân là 7,5%/năm, lãi suất cố định trong vòng 12 tháng, sau đó sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần.

Tại thời điểm giao kết các hợp đồng và ký kết khế ước nhận nợ hai bên ký kết bằng hình thức ký điện tử nhưng vẫn phù hợp với quy định tại Điều 9 Nghị Định 130/2018/NĐ-CP ngày 27/9/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký. Ngoài ra, pháp luật điều chỉnh quan hệ hợp đồng giữa các bên đương sự là Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Bộ luật dân sự năm 2015 và các văn bản pháp luật khác có liên quan. Khi ký kết hợp đồng, hai bên chủ thể đều là những pháp nhân có đăng ký kinh doanh, tự nguyện giao kết nên hợp đồng phát sinh hiệu lực đối với hai bên. Các thỏa thuận theo Hợp đồng của hai bên đương sự phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định: *“Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”*. Thực hiện theo hợp đồng và khế ước nhận nợ, bị đơn đã nhận đủ số tiền giải ngân trên của nguyên đơn. Tuy nhiên, theo khế ước nhận nợ số 080422-4025044-ONL-3 ngày 13/4/2022, bị đơn chỉ thanh toán một phần cho nguyên đơn số tiền là 250.765.849đ, trong đó nợ gốc đã trả: 195.149.187đ; lãi đã trả: 55.616.662đ. Theo khế ước nhận nợ số 010422-4025044-AUTO – 1 ngày 01/4/2022, bị đơn cũng chỉ thanh toán một phần cho nguyên đơn số tiền là 128.441.642đ, trong đó gốc đã trả: 93.876.426đ; lãi đã trả: 34.565.216đ.

Bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền tạm tính đến ngày 23/4/2024, cụ thể: Theo khế ước nhận nợ số 080422-4025044-ONL-3 ngày 13/4/2022 là 1.088.461.204đ (một tỷ không trăm tám mươi tám triệu bốn trăm sáu mươi một nghìn hai trăm lẻ bốn đồng), trong đó: nợ gốc: 704.850.813đ; nợ lãi trong hạn: 27.927.159đ; nợ lãi quá hạn: 351.406.168đ và phạt chậm trả lãi: 4.277.064đ. Theo khế ước nhận nợ số 010422-4025044-AUTO – 1 ngày 01/4/2022, bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 802.676.601đ (tám trăm lẻ hai triệu sáu trăm sáu mươi bảy nghìn sáu trăm lẻ một đồng), trong đó: nợ gốc: 636.273.574đ; nợ lãi trong

hạn: 10.581.020đ; nợ lãi quá hạn: 154.739.990đ và tiền phạt chậm trả lãi: 1.082.017đ.

Mặc dù nguyên đơn đã nhắc nhở yêu cầu bị đơn thực hiện trả nợ theo như cam kết nhưng bị đơn vẫn không thanh toán. Như vậy, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đã thỏa thuận trong hợp đồng mà hai bên đã ký kết. Căn cứ khoản 1 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng quy định: “*Tổ chức tín dụng có quyền chấm dứt việc cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm các quy định trong hợp đồng cấp tín dụng*”. Căn cứ vào Điều 4 của các Hợp đồng cho vay về “*Chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn và Xử lý nợ*” thì nguyên đơn được quyền chấm dứt cho vay và thu hồi nợ trước hạn khi khách hàng vi phạm bất cứ thỏa thuận nào với nguyên đơn, nên việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc, tiền lãi tính đến ngày 23/4/2024 và tiền lãi phát sinh từ sau ngày Tòa án xét xử sơ thẩm là ngày 24/4/2024 theo hợp đồng và các khế ước nhận nợ là có cơ sở chấp nhận.

[2.2]. Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc xử lý tài sản bảo đảm là 01 xe ô tô, nhãn hiệu TOYOTA, số loại INNOVA VENTURER, biển số 51K-218.86 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 50116776 cấp ngày 31/03/2022 của Phòng Cảnh sát giao thông - Công an Thành phố Hồ Chí Minh đứng tên Công ty TNHH Một thành viên X để thu hồi nợ trong trường hợp bị đơn không trả nợ hoặc trả không đầy đủ. Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp xe ô tô số: 010422-4025044-AUOT-1/HĐ ký ngày 01/4/2022 giữa bên nhận thế chấp là nguyên đơn và bên thế chấp là bị đơn, bị đơn là chủ sở hữu tài sản hợp pháp phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 295 Bộ luật dân sự năm 2015. Các bên tham gia ký kết hợp đồng có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, trên cơ sở tự nguyện, các thỏa thuận có nội dung và mục đích không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Hợp đồng thế chấp có đăng ký giao dịch bảo đảm nên hợp đồng có hiệu lực theo Điều 293 Bộ luật dân sự năm 2015, buộc các bên phải thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo hợp đồng. Do đó, yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm trên của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì bà D phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo Hợp đồng bảo lãnh số: EGV/21341 ngày 15/6/2021. Hội đồng xét xử xét thấy: Việc cam kết nghĩa vụ trả nợ thay cho bị đơn của bà D là trên cơ sở tự nguyện, các đương sự có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, các cam kết có nội dung và mục đích không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội là phù hợp với quy định tại Điều 335 và Điều 336 của Bộ luật dân sự năm 2015. Trường hợp, bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả không đầy đủ, nguyên đơn có quyền yêu cầu bà D phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh của mình theo cam kết nói trên là phù hợp theo quy định tại Điều 342 Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, yêu cầu buộc bà D phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh về việc thụ lý, giải quyết vụ án của Tòa án đã tuân thủ các thủ tục tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nguyên đơn. Xét đề nghị của Viện kiểm sát là có cơ sở chấp nhận.

[3]. *Về án phí kinh doanh sơ thẩm*: Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4]. *Về quyền kháng cáo*: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Căn cứ Điều 4, Điều 91 và Điều 95 Luật tổ chức tín dụng;

- Căn cứ vào Điều 116, Điều 117, Điều 119, Điều 293 và khoản 1 Điều 295 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

- Căn cứ vào Luật Thi hành án Dân sự năm 2008, sửa đổi năm 2014.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Ngân hàng Thương mại Cổ phần X đối với bị đơn Công ty TNHH Một thành viên X.

Buộc Công ty TNHH Một thành viên X thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần X tiền nợ, tạm tính đến ngày 23/4/2024 là 1.891.137.805đ (một tỷ tám trăm chín mươi một triệu một trăm ba mươi bảy nghìn tám trăm lẻ tám đồng), chi tiết với từng hợp đồng và khế ước nhận nợ như sau:

Theo Hợp đồng số EGV/21340 ngày 15/6/2021 và khế ước nhận nợ số 080422-4025044-ONL-3 ngày 13/4/2022 số tiền là 1.088.461.204đ (một tỷ không trăm tám mươi tám triệu bốn trăm sáu mươi một nghìn hai trăm lẻ bốn đồng), trong đó: nợ gốc: 704.850.813đ; nợ lãi trong hạn: 27.927.159đ; nợ lãi quá hạn: 351.406.168đ và phạt chậm trả lãi: 4.277.064đ.

Theo Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp ô tô số 010422-4025044-AUTO-1/HĐ và khế ước nhận nợ số 010422-4025044-AUTO – 1 lập cùng ngày 01/4/2022, số tiền là 802.676.601đ (tám trăm lẻ hai triệu sáu trăm bảy mươi sáu

ngàn sáu trăm lẻ một đồng), trong đó: nợ gốc: 636.273.574đ; nợ lãi trong hạn: 10.581.020đ; nợ lãi quá hạn: 154.739.990đ và tiền phạt chậm trả lãi: 1.082.017đ.

Kể từ ngày 24/4/2024, Công ty TNHH Một thành viên X còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận theo các Hợp đồng cho vay đã ký giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần X với Công ty TNHH Một thành viên X cho đến khi thanh toán xong khoản tiền nợ trên.

Ngay khi Công ty TNHH Một thành viên X thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán nêu trên thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần X có trách nhiệm trả lại cho Công ty TNHH Một thành viên X 01 (một) bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 50116776 cấp ngày 31/03/2022 của Phòng Cảnh sát giao thông - Công an Thành phố Hồ Chí Minh đứng tên Công ty TNHH Một thành viên X.

2. Xác định hợp đồng cho vay kèm hợp đồng thế chấp xe ô tô số: 010422-4025044-AUOT-1/HĐ ký ngày 01/4/2022 giữa bên thế chấp là Công ty TNHH Một thành viên X với bên nhận thế chấp là Ngân hàng Thương mại Cổ phần X, tài sản thế chấp là: 01 (một) xe ô tô, nhãn hiệu TOYOTA, số loại INNOVA VENTURER, biển số 51K-218.86 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 50116776 cấp ngày 31/03/2022 của Phòng Cảnh sát giao thông - Công an Thành phố Hồ Chí Minh đứng tên Công ty TNHH Một thành viên X là hợp pháp.

3. Trường hợp, Công ty TNHH Một thành viên X không trả hoặc trả không đủ nợ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần X được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý toàn bộ tài sản bảo đảm là: 01 (một) xe ô tô, nhãn hiệu TOYOTA, số loại INNOVA VENTURER, biển số 51K-218.86 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 50116776 cấp ngày 31/03/2022 của Phòng Cảnh sát giao thông - Công an Thành phố Hồ Chí Minh đứng tên Công ty TNHH Một thành viên X được đăng ký bảo đảm điện tử cùng ngày 01/4/2022.

4. Trường hợp, Công ty TNHH Một thành viên X không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ đối với toàn bộ số tiền nợ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần X có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền buộc bà D phải thực hiện toàn bộ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần X theo Hợp đồng bảo lãnh số: EGV/201341 lập ngày 15/6/2021.

5. Quyền và nghĩa vụ của đương sự được thực hiện tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

6. Về án phí kinh doanh sơ thẩm: là 68.734.000đ (sáu mươi tám triệu bảy trăm ba mươi bốn nghìn đồng) do Công ty TNHH Một thành viên X chịu và nộp tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần X số tiền tạm ứng án phí là 30.130.126 (ba mươi triệu một trăm ba mươi nghìn một trăm hai mươi sáu đồng) theo biên lai thu số AA/2023/0026581 ngày 12/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

7. Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND quận Bình Tân;
- Chi cục THADS quận Bình Tân;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hồng Yến